

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Bà Lê Thị Mai Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1993; nơi ĐKTT: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ 17, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Ninh Tiến S, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 18-11-2022, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ninh Tiến S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 02-12-2015. Anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến

khoảng 5-6 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh S chơi bời, rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm gì với vợ con. Giữa chị và anh S thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, gây ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lý của con cái. Mặc dù anh chị đã cố gắng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, gia đình cũng đã tác động, khuyên anh S nhưng không có kết quả. Chị và anh S đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Ninh Thị Hà V, sinh ngày 03-7-2010 và cháu Ninh Ngọc H, sinh ngày 20-8-2011. Tại đơn khởi kiện, chị H nhận nuôi các con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 13-12-2022, chị H nhận nuôi cháu H và đề nghị giao cháu V cho anh S nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 25-11-2022, bị đơn là anh Ninh Tiến S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S trình bày thống nhất với chị H về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại tổ dân phố Bàng Đông, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân chủ yếu là do phong cách sống của anh chị không còn phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung về các vấn đề trong cuộc sống như cách nuôi dạy con cái, cách chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã tác động, hoà giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Anh và chị H đã sống ly thân được khoảng 4 năm nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc hay có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu cứ kéo dài tình trạng này cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên. Vì vậy, anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Anh nhận nuôi cháu V và đề nghị giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện: Quá trình chung sống, chị H và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát do vợ chồng sống không hoà hợp, thiếu tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau; mặc dù gia đình hai bên đã tác động, giúp chị H và anh S hoà giải nhưng không có kết quả. Chị H và anh S đã sống ly thân được khoảng 4 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàn La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 02-12-2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách hai bên không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị H và anh S đã sống ly thân được khoảng 4 năm nay, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh S; đồng thời giao con chung là cháu Ninh Thị Hà V, sinh ngày 03-7-2010 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Ninh Ngọc H, sinh ngày 20-8-2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Ninh Tiến S cư trú tại Tổ dân phố Bàn Đông, phường Bàn La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàn La,

quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 02-12-2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh chị đã sống ly thân được khoảng 4 năm nay, không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Ninh Thị Hà V, sinh ngày 03-7-2010 và cháu Ninh Ngọc H, sinh ngày 20-8-2011. Tại đơn khởi kiện, chị H nhận nuôi các con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 13-12-2022, chị H nhận nuôi cháu H và đề nghị giao cháu V cho anh S nuôi dưỡng. Anh S cũng thống nhất với chị H về việc giao cháu V cho anh nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, yêu cầu của chị H, anh S về việc giao cháu V cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thu H được ly hôn anh Ninh Tiến S.

2. Về con chung: Giao cháu Ninh Thị Hà V, sinh ngày 03-7-2010 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Ninh Ngọc H, sinh ngày 20-8-2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002672 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai Hương Nguyễn Khắc Quyết

Phạm Hữu Trường